

# CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ NGUYÊN ANH

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ NGUYÊN ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGUYEN ANH TECHNOLOGY AND COMMUNICATION SOLUTIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: E-SOLUTION.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109893048

3. Ngày thành lập: 20/01/2022

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 31, ngách 39, ngõ 9, Phố Lương Định Của, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968791188

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài) | 4610     |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                            | 8230     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                  | 8299     |
| 4.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                       | 8531     |
| 5.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                    | 8532     |
| 6.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                     | 8533     |
| 7.  | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                      | 8541     |
| 8.  | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                                      | 8542     |
| 9.  | Đào tạo tiến sỹ                                                                                                                                                                      | 8543     |
| 10. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                        | 8551     |
| 11. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                          | 8552     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh; Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; Đào tạo tự vệ; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính. Đào tạo kỹ năng sống. | 8559        |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: - Tư vấn du học - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục - Tổ chức chương trình trao đổi sinh viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8560        |
| 14. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6201        |
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6202        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6209        |
| 17. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310(Chính) |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410        |
| 19. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ: Bán buôn dược phẩm; phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp và những mặt hàng Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690        |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ nhiều loại hàng hóa, lương thực, thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                          | 4711        |
| 21. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ nhiều loại hàng hóa, lương thực, thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4719        |
| 22. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ của các cửa hàng chuyên doanh gạo, lúa mỳ, bột mỳ, ngô...                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4721        |
| 23. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4722        |
| 24. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1811        |
| 25. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1812        |
| 26. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ gạo, ngô, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc láo, bán tại chợ hoặc lưu động                                                                                                                                                                                                                                                 | 4781        |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh<br>Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                        | 4932        |
| 28. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Dịch vụ kho hàng và lưu kho                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5210        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa; dịch vụ kiểm tra vận đơn; dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa; dịch vụ kiểm toán hóa đơn và dịch vụ thông tin xếp hạng hàng hóa; dịch vụ đóng gói, đóng thùng, và dịch vụ tháo dỡ; dịch vụ kiểm tra, cân và lấy mẫu hàng hóa; dịch vụ nhận và tiếp nhận hàng hóa (gồm dịch vụ vận chuyển và tiếp nhận tại địa phương); dịch vụ thông quan; dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay | 5225 |
| 30. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7912 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG NGỌC ANH Giới tính: Nam  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 24/08/1988 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088011975  
 Ngày cấp: 25/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội  
 Địa chỉ thường trú: Số 660 Đường Láng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Số 660 Đường Láng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội